

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 28/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 10/7/2018

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 10/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST- HNGĐ ngày 20/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Huyền T** - sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K L, xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C D, xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* **Ông Võ Văn M** - sinh năm: 1985 (vắng mặt)

HKTT: Ấp K L, xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C D, xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Bà T tự nguyện sống chung với ông Võ Văn M vào năm 2009, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

Trước khi chung sống có tìm hiểu thời gian khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp C D, xã L Th, huyện L N. Vợ chồng sống hòa

thuận đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, hay cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa do tình cảm không còn nên bà T xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con tên Võ Phương N - sinh ngày 29/10/2009. Khi ly hôn bà T xin nuôi con, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại.

Về phía bị đơn là ông Võ Văn M trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng ông M vẫn không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật, xác định đúng và đầy đủ tư cách đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T. Cho bà T được ly hôn với ông Võ Văn M.

Về con chung: Giao con tên Võ Phương N - sinh ngày 29/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Huyền T nuôi, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L N giải quyết ly hôn với ông Võ Văn M nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông M có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xã L Th, huyện L N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L N được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật.

Bị đơn là ông Võ Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Võ Văn M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng ông M không chấp hành, như vậy ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông M nên xin được ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông M.

Về con chung:

Bà T và ông M có 01 con chung tên Võ Phương N - sinh ngày 29/10/2009. Khi ly hôn bà T xin nuôi con, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với bà T, vì vậy nghĩ nên giao cháu N cho bà T nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ: Bà T xác định không nợ ai, không ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bà T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự ;
- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Võ Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Phương N - sinh ngày 29/10/2009 cho bà T nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005523 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện L N
- THADS huyện L N
- UBND xã L Th.
- Lưu hồ sơ
- Các đương sự

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh